



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3646/2014/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2014, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu và công nợ phải trả. Tỷ lệ đối chiếu công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán tại thời điểm kiểm toán là 6,63% và 6,66%. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về giá trị các khoản công nợ này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, với giá trị các khoản phải thu, phải trả được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán lần lượt là 50.228.505.176 đồng và 9.678.558.061 đồng.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải thu khác, tạm ứng đã quá hạn thanh toán. Theo ước tính của chúng tôi, dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ phải thu, tạm ứng đã quá hạn thanh toán là 23.678.292.155 đồng. Do đó, chi phí quản lý doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tổng Công ty ghi nhận thiếu với số tiền tương ứng.

Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá lại tình trạng sử dụng và giá trị thuần có thể thực hiện được của các loại nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho từ năm 2008 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.848.907.359 đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về giá trị của nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ tồn kho.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Nam Cường

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01

771
NG
PHIẾM
TỔ
TÀI
C
AI-3

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		166.406.533.310	178.640.286.065
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	34.419.491.542	30.902.101.683
1. Tiền	111		34.419.491.542	30.902.101.683
II. Đầu tư ngắn hạn	120		-	2.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75.247.369.863	97.609.647.713
1. Phải thu khách hàng	131		50.228.505.176	73.405.423.947
2. Trả trước cho người bán	132		19.613.118.718	20.142.822.700
3. Các khoản phải thu khác	135	V.2	5.405.745.969	4.061.401.066
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	34.329.134.952	27.749.515.154
1. Hàng tồn kho	141		34.329.134.952	27.749.515.154
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.410.536.953	20.379.021.515
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		284.892.593	334.938.918
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	12.367.128
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		37.604.268	97.701.331
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	22.088.040.092	19.934.014.138
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.615.012.476	32.221.737.464
I. Tài sản cố định	220		24.398.009.359	24.711.138.604
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	23.812.372.269	24.235.436.104
- Nguyên giá	222		39.640.396.358	40.853.274.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.828.024.089)	(16.617.838.146)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	585.637.090	475.702.500
- Nguyên giá	228		809.660.000	543.660.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(224.022.910)	(67.957.500)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.257.784.306	7.257.784.306
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.7	4.186.000.000	4.186.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.8	1.050.000.000	1.050.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	2.021.784.306	2.021.784.306
III. Tài sản dài hạn khác	260		959.218.811	252.814.554
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	805.218.811	252.814.554
2. Tài sản dài hạn khác	268		154.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		199.021.545.786	210.862.023.529

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

MẪU B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		139.338.649.699	150.190.392.931
I. Nợ ngắn hạn	310		134.127.161.441	145.836.974.285
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	5.670.473.157	3.531.922.838
2. Phải trả người bán	312		9.678.558.061	10.207.136.655
3. Người mua trả tiền trước	313		42.619.346.314	51.405.805.371
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	4.330.442.901	4.819.818.102
5. Phải trả người lao động	315		39.893.513.141	42.313.641.816
6. Chi phí phải trả	316	V.13	10.138.902.850	13.210.704.471
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	17.701.363.994	16.052.935.386
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.094.561.023	4.295.009.646
II. Nợ dài hạn	330		5.211.488.258	4.353.418.646
1. Doanh thu chưa thực hiện	338		5.211.488.258	4.353.418.646
B. NGUỒN VỐN	400		59.682.896.087	60.671.630.598
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	59.682.896.087	60.671.630.598
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		44.000.000.000	44.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.399.084.328	4.810.799.328
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.592.372.382	2.062.944.382
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.691.439.377	9.797.886.888
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		199.021.545.786	210.862.023.529



Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

gany

Phan Kim Yến
Kế toán trưởng

Bùi Thị Lê
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		139.420.799.924	158.025.185.952
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	139.420.799.924	158.025.185.952
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	117.524.062.745	132.614.151.395
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.896.737.179	25.411.034.557
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.033.368.149	4.227.398.688
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	505.867.185	1.945.811.117
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		503.420.486	1.777.547.401
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.733.727.000	15.527.071.891
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.690.511.143	12.165.550.237
10. Thu nhập khác	31		2.144.306.678	1.642.938.113
11. Chi phí khác	32		915.237.849	66.597.794
12. Lợi nhuận khác	40	VI.5	1.229.068.829	1.576.340.319
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.919.579.972	13.741.890.556
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	2.818.685.141	3.153.325.444
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.100.894.831	10.588.565.112
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	1.614	2.406



Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 03 năm 2014

gany
Phan Kim Yến
Kế toán trưởng

Bùi Thị Lê
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 03 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	9.919.579.972	13.741.890.556
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.975.706.587	3.303.630.210
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.331.230.007)	(4.117.398.688)
Chi phí lãi vay	06	503.420.486	1.777.547.401
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	10.067.477.038	14.705.669.479
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	27.837.144.917	(1.394.775.275)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(8.815.181.561)	580.285.728
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(4.327.879.197)	(19.599.527.055)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	43.894.168	129.301.912
Tiền lãi vay đã trả	13	(512.506.818)	(1.781.173.151)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.731.271.912)	(4.079.307.642)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.117.713.000	105.825.608
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(13.026.027.483)	(3.737.555.817)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.653.362.152	(15.071.256.213)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(3.627.394.272)	(1.509.974.204)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	418.564.830	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(3.331.230.007)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	2.764.500.000
6. Thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	1.187.592.947	2.258.530.688
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.352.466.502)	1.513.056.484
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	-	11.210.891.968
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.990.710.450	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.852.160.131)	(16.992.817.345)
4. Cổ tức đã trả	36	(4.922.056.110)	(3.015.607.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.783.505.791)	(8.797.533.177)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.517.389.859	(22.355.732.906)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	30.902.101.683	53.257.834.589
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	34.419.491.542	30.902.101.683



Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Phan Kim Yến
Kế toán trưởng

Bùi Thị Lê
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP (“Tổng Công ty”), tiền thân là Phòng thiết kế đo đạc thuộc Nha Thủy lợi Bộ Giao thông Công chính, được thành lập ngày 06 tháng 4 năm 1955. Thực hiện Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09 tháng 06 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tổng Công ty đã chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16 tháng 06 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 05 tháng 07 năm 2012, tổng số vốn điều lệ của Tổng Công ty là 44.000.000.000 đồng; tương đương 4.400.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Ngành môi trường nước - cấp thoát nước: Thiết kế cấp thoát nước và xử lý chất thải công trình xây dựng;
- Kinh doanh khách sạn, cho thuê bất động sản, văn phòng;
- In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ, thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in ấn và tư vấn về in;
- Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;
- Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyển giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, các dự án thủy lợi, thủy điện;
- Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học-kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình;
- Tham gia đào tạo bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng;
- Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán công trình (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu và hợp đồng kinh tế trong xây dựng;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt thiết bị;
- Giám sát thi công xây dựng công trình: lĩnh vực chuyên môn khảo sát địa chất, khảo sát trắc địa, khảo sát địa chất thủy văn;
- Khảo sát xây dựng các công trình bao gồm: khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát trắc địa, khảo sát địa vật lý, khảo sát thủy văn, môi trường;
- Thiết kế bao gồm: Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế hệ thống điện công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 KV; Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế kiến trúc các công trình xây dựng;
- Lập dự án đầu tư quy hoạch xây dựng thủy lợi, thủy điện, lập tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề).

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP bao gồm các đơn vị hạch toán trực thuộc như sau:

Đơn vị	Địa chỉ
- Văn phòng Tổng Công ty	Tầng 2, Số 2 ngõ 95 Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội
Đơn vị trực thuộc	
- Công ty Tư vấn 11 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC11)	Tầng 6, Số 2 ngõ 95 Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Công ty Tư vấn 12 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC12)	Tầng 4, Số 2 ngõ 95 Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Công ty Tư vấn 13 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC13)	Tầng 5, Số 2 ngõ 95 Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Công ty Tư vấn địa kỹ thuật - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC14)	Số 95/8/116 phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Công ty Khảo sát và Xây dựng số 15 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Bắc Ninh (HEC15)	Đình Bảng, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Nghệ An (HEC16)	Số 100, Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Nghệ An
- Công ty In Thủy lợi - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (INTL)	Tầng 1, Số 2 ngõ 95 Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 61/33 Bình Giã, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Số 52, Đường Đống Đa, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa
- Văn phòng đại diện Tổng Công ty tại Lào	Nước Cộng Hòa Dân chủ Nhân dân Lào

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

1011
CÔ
ACH NI
ỀM
VÂN
QUC
G M

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn hiện hành.

Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Các ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay, chi phí phải trả và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45
Máy móc, thiết bị	04 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản khác	03 - 04

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm thiết kế, Tổng Công ty đang ghi nhận giá trị ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Các khoản đầu tư dài hạn

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là Công ty mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

3-C
TY
HUU H.
N.V.
CHIA
E
TP.V

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là Công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty nhận đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TH * /

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	1.397.605.751	1.445.888.589
Tiền gửi ngân hàng	33.021.885.791	29.456.213.094
Cộng	34.419.491.542	30.902.101.683

2. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu BHXH, BHYT	661.232.003	359.708.705
Phải thu tiền điện nước, tiền nhà	1.647.499.051	1.528.699.051
Phải thu tiền thuê văn phòng	142.180.000	-
Phải thu chi phí in ấn	599.261.873	-
Phải thu người lao động	1.207.149.645	137.954.345
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi chậm trả	-	321.818.000
Phải thu khác	1.148.423.397	1.713.220.965
Cộng	5.405.745.969	4.061.401.066

3. Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.657.094.830	1.913.683.749
Công cụ, dụng cụ	191.812.529	86.943.088
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	32.480.227.593	25.748.888.317
Cộng	34.329.134.952	27.749.515.154

4. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	22.088.040.092	19.934.014.138
Cộng	22.088.040.092	19.934.014.138

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM – CTCPC
Số 2 ngõ 95 phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2013	20.794.818.322	8.980.381.382	8.054.891.632	2.728.664.825	294.518.089	40.853.274.250
Mua trong năm	-	312.798.000	2.861.576.727	187.019.545	-	3.361.394.272
Thanh lý, nhượng bán	(390.134.979)	(98.565.646)	(579.781.125)	(19.094.489)	-	(1.087.576.239)
Giảm theo TT45	(105.839.181)	(989.876.802)	(96.439.148)	(2.217.645.919)	(76.894.875)	(3.486.695.925)
Tại 31/12/2013	20.298.844.162	8.204.736.934	10.240.248.086	678.943.962	217.623.214	39.640.396.358
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2013	3.380.739.825	6.267.450.199	4.504.503.677	2.226.023.293	239.121.152	16.617.838.146
Khấu hao trong năm	717.171.098	887.384.062	1.002.528.229	203.532.497	9.025.291	2.819.641.177
Thanh lý, nhượng bán	(150.213.077)	(98.565.646)	(401.138.197)	(19.094.489)	-	(669.011.409)
Giảm theo TT45	(105.839.181)	(874.875.893)	(72.444.328)	(1.856.761.194)	(30.523.229)	(2.940.443.825)
Tại 31/12/2013	3.841.858.665	6.181.392.722	5.033.449.381	553.700.107	217.623.214	15.828.024.089
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2013	17.414.078.497	2.712.931.183	3.550.387.955	502.641.532	55.396.937	24.235.436.104
Tại 31/12/2013	16.456.985.497	2.023.344.212	5.206.798.705	125.243.855	-	23.812.372.269

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 5.481.879.430 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2013	543.660.000	543.660.000
Mua trong năm	266.000.000	266.000.000
Tại 31/12/2013	809.660.000	809.660.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại 01/01/2013	67.957.500	67.957.500
Khấu hao trong năm	156.065.410	156.065.410
Tại 31/12/2013	224.022.910	224.022.910
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2013	475.702.500	475.702.500
Tại 31/12/2013	585.637.090	585.637.090

01
C
CH
ÊN
V
QU
/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Đầu tư vào Công ty con

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	250.700	2.507.000.000	250.700	2.507.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	147.000	1.679.000.000	147.000	1.679.000.000
		4.186.000.000		4.186.000.000

Thông tin chi tiết về các Công ty con:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Quảng Ngãi	50,65%	50,65%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
2	Công ty CP Tư vấn Xây dựng thủy lợi 3 (HEC 3)	Khánh Hòa	58,80%	58,80%	Tư vấn, thiết kế xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	105.000	1.050.000.000	105.000	1.050.000.000
Cộng		1.050.000.000		1.050.000.000

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty CP Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Ninh Bình	30,00%	30,00%	Tư vấn, khảo sát xây dựng

9. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	10.000	1.000.000.000	10.000	1.000.000.000
Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương	102.178	1.021.784.306	102.178	1.021.784.306
Cộng		2.021.784.306		2.021.784.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	537.805.001	252.814.554
Giá trị còn lại của tài sản cố định chuyển sang	267.413.810	-
Cộng	805.218.811	252.814.554

11. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay cá nhân (*)	5.670.473.157	3.531.922.838
Cộng	5.670.473.157	3.531.922.838

(*) Vay cá nhân để phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất 12%/năm.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.817.343.682	2.399.284.138
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.019.262.229	1.931.849.000
Tiền thuê đất	-	239.548.683
Thuế thu nhập cá nhân	210.908.126	206.156.100
Các loại thuế khác	282.928.864	42.980.181
Cộng	4.330.442.901	4.819.818.102

13. Chi phí phải trả

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình	10.093.336.182	13.156.051.471
Chi phí lãi vay	45.566.668	54.653.000
Cộng	10.138.902.850	13.210.704.471

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.637.304.109	2.753.656.599
Quỹ đóng góp của cán bộ nhân viên	2.536.464.733	2.220.060.095
Chi phí BH công trình	81.278.000	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	4.028.987.807	3.671.043.917
Các khoản phải trả khác	8.378.705.670	7.408.174.775
Cộng	17.701.363.994	16.052.935.386

C.T.
HẠN VÀ
ÍNH
HÀ

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2 ngõ 95 phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**MẪU B 09 - DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****15. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2012	44.000.000.000	2.739.381.328	1.372.471.382	12.792.315.278	60.904.167.988
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	10.588.565.112	10.588.565.112
Phân phối lợi nhuận	-	2.071.418.000	690.473.000	(13.582.993.502)	(10.821.102.502)
Số dư tại 31/12/2012	44.000.000.000	4.810.799.328	2.062.944.382	9.797.886.888	60.671.630.598
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	7.100.894.831	7.100.894.831
Phân phối lợi nhuận (*)	-	1.588.285.000	529.428.000	(4.927.342.342)	(2.809.629.342)
Trả cổ tức	-	-	-	(5.280.000.000)	(5.280.000.000)
Số dư tại 31/12/2013	44.000.000.000	6.399.084.328	2.592.372.382	6.691.439.377	59.682.896.087

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 25 tháng 04 năm 2013, Tổng Công ty thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2012 như sau: Tổng Công ty sử dụng 5% Lợi nhuận sau thuế để trích lập quỹ Dự phòng tài chính với giá trị tương ứng là 529.428.256 đồng, sử dụng 15% Lợi nhuận sau thuế để trích lập quỹ Đầu tư phát triển với số tiền tương ứng là 1.588.284.767 đồng, sử dụng 12% từ Lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức với giá trị tương ứng là 5.280.000.000 đồng, số tiền còn lại dùng để thưởng Ban điều hành và trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	21.560.000.000	21.560.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	22.440.000.000	22.440.000.000
Cộng	44.000.000.000	44.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	4.400.000	4.400.000
<i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>4.400.000</i>	<i>4.400.000</i>
Số lượng cổ phần đang lưu hành	4.400.000	4.400.000
<i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>4.400.000</i>	<i>4.400.000</i>

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

16. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Tổng Công ty có trụ sở đặt tại số Số 2 ngõ 95 Chùa Bộc, Phường Trung Liet, Quận Đống Đa, Hà Nội. Đồng thời, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc tại Bắc Ninh, Nghệ An, Nha Trang và Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, doanh thu tại các tỉnh trên chưa chiếm đến 10% doanh thu phát sinh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do đó, Tổng Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế. Đây là nhóm các dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế giống nhau. Do đó Tổng Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	139.420.799.924	158.025.185.952
Cộng	139.420.799.924	158.025.185.952

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	117.524.062.745	132.614.151.395
Cộng	117.524.062.745	132.614.151.395

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	955.058.149	1.254.014.088
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn, dài hạn	-	1.647.050.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.078.310.000	1.326.334.600
Cộng	2.033.368.149	4.227.398.688

4. Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	503.420.486	1.777.547.401
Chi phí thanh lý khoản đầu tư	-	110.000.000
Chi phí tài chính khác	2.446.699	58.263.716
Cộng	505.867.185	1.945.811.117

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5. Lợi nhuận khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ	415.590.909	-
Tiền cho thuê văn phòng, trụ sở	1.310.815.779	1.488.044.371
Thu từ nhận đền bù, bồi hoàn	86.250.815	-
Thu nhập khác	331.649.175	154.893.742
Thu nhập khác	2.144.306.678	1.642.938.113
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	428.544.830	-
Tiền phạt vi phạm hành chính	408.166.207	-
Chi phí khác	78.526.812	66.597.794
Chi phí khác	915.237.849	66.597.794
Lợi nhuận từ hoạt động khác	1.229.068.829	1.576.340.319

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	9.919.579.972	13.741.890.556
Trong đó:		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>9.919.579.972</i>	<i>13.741.890.556</i>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(454.144.608)	(1.128.588.779)
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(1.078.310.000)</i>	<i>(1.326.334.600)</i>
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>624.165.392</i>	<i>197.745.821</i>
Thu nhập chịu thuế	9.465.435.364	12.613.301.777
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp	2.366.358.841	3.153.325.444
Truy thu theo Biên bản thanh tra thuế	452.326.300	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.818.685.141	3.153.325.444

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	7.100.894.831	10.588.565.112
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.100.894.831	10.588.565.112
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	4.400.000	4.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.614	2.406
Mệnh giá CP	10.000	10.000

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.236.532.735	8.332.945.866
Chi phí nhân công	61.886.179.497	69.498.193.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.975.706.587	3.303.630.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.744.758.042	37.191.000.952
Chi phí khác	33.024.959.436	29.815.452.323
Cộng	136.868.136.297	148.141.223.286

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	34.419.491.542	30.902.101.683
Phải thu khách hàng và phải thu khác	55.634.251.145	77.466.825.013
Đầu tư ngắn hạn	-	2.000.000.000
Đầu tư dài hạn	2.021.784.306	2.021.784.306
Cộng	92.075.526.993	112.390.711.002
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	5.670.473.157	3.531.922.838
Phải trả người bán và phải trả khác	27.379.922.055	26.260.072.041
Chi phí phải trả	10.138.902.850	13.210.704.471
Cộng	43.189.298.062	43.002.699.350

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

11/12/2013
T)
HUC
N
CH
11/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	27.379.922.055	-	27.379.922.055
Chi phí phải trả	10.138.902.850	-	10.138.902.850
Các khoản vay	5.670.473.157	-	5.670.473.157
Cộng	43.189.298.062	-	43.189.298.062
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	26.260.072.041	-	26.260.072.041
Chi phí phải trả	13.210.704.471	-	13.210.704.471
Các khoản vay	3.531.922.838	-	3.531.922.838
Cộng	43.002.699.350	-	43.002.699.350

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2013			
Tiền	34.419.491.542	-	34.419.491.542
Phải thu khách hàng và phải thu khác	55.634.251.145	-	55.634.251.145
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	2.021.784.306	2.021.784.306
Cộng	90.053.742.687	2.021.784.306	92.075.526.993
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2013			
Tiền	30.902.101.683	-	30.902.101.683
Phải thu khách hàng và phải thu khác	77.466.825.013	-	77.466.825.013
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	2.021.784.306	2.021.784.306
Cộng	110.368.926.696	2.021.784.306	112.390.711.002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan như sau

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	1.426.520.909	4.918.139.091
Công ty CP Tư vấn Xây dựng thủy lợi 3 (HEC 3)	1.314.482.727	4.443.998.182
Công ty CP Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	4.969.490.000	1.387.600.909
Cộng	7.710.493.636	10.749.738.182

Số dư với các bên liên quan như sau

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	2.800.506.200	2.691.440.200
Công ty CP Tư vấn Xây dựng thủy lợi 3 (HEC 3)	420.287.000	520.287.000
Công ty CP Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	734.359.000	-
Cộng	3.955.152.200	3.211.727.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	1.441.000.000	1.284.000.000
Cộng	1.441.000.000	1.284.000.000

Tổng số lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 504 người.

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH và Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

Phan Kim Yến
Kế toán trưởng

Bùi Thị Lê
Người lập biểu